

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG CƠ SỞ II
KHOA KINH TẾ ĐỐI NGOẠI



TIỂU LUẬN:

**NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT
TRIỂN, ĐẶC ĐIỂM CỦA HỢP TÁC QUỐC TẾ
VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Phương Thủy

Nhóm: 5B

- | | |
|-----------------------|------------|
| - Lương Hoàng Nguyên | 1101017719 |
| - Đặng Nhật Vũ | 1101017900 |
| - Nguyễn Xuân Thọ | 1101017824 |
| - Nguyễn Tường Tiên | 1101017840 |
| - Nguyễn Lê Tiên | 1101017839 |
| - Phạm Hữu Công Thành | 1101017799 |

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã và hội nhập vào nền kinh tế thế giới . Việt Nam đã trở thành một bộ phận trong nền kinh tế thế giới và ngày càng có những đóng góp quan trọng hơn trong tổng thể này. Một trong những quá trình hội nhập của quá trình hội nhập kinh tế thế giới đó là quá trình Hợp tác quốc tế về KHCN. Hợp tác quốc tế hiện nay không phải là một xu thế nữa mà là một thực tế. Việc nghiên cứu, tìm hiểu rồi đến nắm bắt bản chất, đặc điểm cũng như vai trò của hợp tác quốc tế về KHCN sẽ giúp mỗi chúng ta thấy được tầm quan trọng, tính thiết yếu của hợp tác quốc tế về KHCN ở nước ta hiện nay và trên thế giới nhằm đưa ra những giải pháp nhằm đóng góp thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế về KHCN ở Việt Nam.

Nội dung nghiên cứu chúng tôi sẽ tập trung vào các phần sau

Phần I: Khái niệm về hợp tác quốc tế về KHCN (HTKHCNQQT)

Phần II: Nguyên nhân hình thành và phát triển của hợp tác quốc tế về KHCN

Phần III: Đặc điểm của hợp tác quốc tế về KHCN

Phần IV: Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ của Việt Nam

Do trình độ hiểu biết và lý luận còn rất hạn chế , tiểu luận của nhóm chúng tôi còn rất nhiều hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự thông cảm cùng những ý kiến đóng góp để giúp chúng tôi hoàn thiện hơn bài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn Giảng viên Thạc sĩ Trần Thị Phương Thủy đã giúp em rất nhiều từ khâu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất cho đề tài, đến việc hướng dẫn tìm đọc những tài liệu bổ ích để từ đó em có thể hoàn thành được đề tài này.

Tp HCM, ngày 1 tháng 9 năm 2012

NỘI DUNG

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) đã trở thành một yếu tố quan trọng trong kinh tế đối ngoại và phát triển KT-XH trong giai đoạn hiện nay. Nó là nguồn lực to lớn, cầu nối, kênh dẫn không thể thiếu được đối với hoạt động KH&CN trong nước.

I/ Khái niệm “Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ”

- Nó là một hình thức của QHKTQT trong đó có sự hợp tác nghiên cứu, trao đổi thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ giữa các chủ thể trong QHKTQT.

II/ Nguyên nhân hình thành và phát triển của hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ

1/ Sự khác biệt về năng lực khoa học công nghệ của các nước

- Thành tựu về khoa học công nghệ đã trở thành động lực cho sự phát triển, tạo sự biến đổi sâu sắc cho nền kinh tế cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với tốc độ, quy mô ngày càng cao.
- Yêu cầu việc ứng dụng khoa học công nghệ không chỉ phụ thuộc và khả năng tiếp cận mà phải dựa vào năng lực công nghệ của quốc gia đó. Năng lực khoa học công nghệ của các quốc gia được chia thành 4 cấp độ
 - Nhóm các nước khoa học tiên tiến
 - Nhóm các nước thành thạo về khoa học
 - Nhóm các nước đang phát triển về khoa học
 - Nhóm các nước chậm phát triển về khoa học
- Sự khác nhau về năng lực khoa học công nghệ là nguyên nhân khiến các quốc gia phải hợp tác để tiếp nhận và trao đổi các thành tựu khoa học công nghệ

2/ Chi phí khổng lồ của các nghiên cứu khoa học

- Quá trình toàn cầu hóa làm cho cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia ngày càng gay gắt, yêu cầu khai thác tri thức khoa học và ứng dụng công nghệ.

- Sự ra đời của các ngành công nghệ cao có tỷ trọng tăng đòi hỏi đầu tư ngày càng lớn trong nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ.

3/ Xu thế quốc tế hóa hoạt động nghiên cứu và phát triển

- Xu thế quốc tế hóa diễn ra trên nhiều lĩnh vực trong đó có đầu tư và thương mại kéo theo hoạt động nghiên cứu và phát triển.
- Quá trình quốc tế hóa sẽ chuyển thành toàn cầu hóa hoạt động nghiên cứu và phát triển khi quá trình này diễn ra sâu hơn, kéo theo sự tham gia của nhiều quốc gia
- Quốc tế hóa nghiên cứu và phát triển đang là xu thế mới của nền kinh tế toàn cầu và được xem là một hình thức mới của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong đó các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế chuyển tiếp là nước nhận đầu tư.

III/ Đặc điểm của hợp tác quốc tế về KH-CN

1/ Mang tính trừu tượng, đối tượng tồn tại dưới dạng vô hình.

- Rất khó xác định, khó lượng hoá được mô hình của hình thức này.
- Hiệu quả của QHKTQT về KH-CN phần lớn phụ thuộc vào khả năng, điều kiện của mỗi quốc gia trong quá trình ứng dụng KH-CN vào sản xuất và đời sống.

2/ Diễn ra trên quy mô toàn cầu.

- Có một sự phối hợp toàn cầu đang diễn ra theo nguyên tắc phát huy ưu thế của từng nước và hợp lý hoá nhất để đưa lại hiệu quả cao nhất
- Hầu như không có nước nào đứng ngoài quá trình này, các nước phải tuân thủ theo khuôn khổ chế độ và tiêu chuẩn quốc tế chung. Các quốc gia tiến hành trao đổi hợp tác KH-CN theo quy hoạch chung của thế giới, cùng nhau hưởng lợi trên phạm vi toàn cầu đối với thành quả nghiên cứu, và ứng dụng kết quả nghiên cứu KH-CN.

3/ Diễn ra trong nhiều lĩnh vực, dưới nhiều hình thức đa dạng.

- QHQT về KH-CN diễn ra trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống: y tế, kinh tế... và nó cũng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: Đa phương, song phương...

- Các mối quan hệ quốc tế về KH-CN ngày càng tăng lên. Dẫn chứng là các bài báo đồng tác giả đã tăng gấp đôi trong những năm 1990 (chiếm 15.6% trong tổng số các bài báo). Ngoài ra, sự phổ biến của Công nghệ thông tin và truyền thông là nguyên nhân hình thành các liên kết mạng để gắn kết các nhà khoa học qua “các phòng thí nghiệm chung” hay “phòng thí nghiệm ảo”.

4/ Các nước công nghiệp phát triển và các công ty xuyên quốc gia đóng vai trò thống trị và chủ đạo.

- Chi phí cho nghiên cứu và phát triển công nghệ mới của các nước chiếm phần lớn tổng chi phí của toàn thế giới trong lĩnh vực này. Theo thống kê của tổ chức OECD, chỉ riêng nhóm G7 đã chiếm trên 83% chi phí nghiên cứu và phát triển của OECD và chi phí của 3 nước Hoa Kỳ, Đức, và Nga – 3 nước lớn nhất, là 70% nghiên cứu của OECD.
- Từ năm 1990, các công ty đa quốc gia chiếm vai trò chủ đạo, chi phối quá trình nghiên cứu và phát triển với tầm ảnh hưởng lớn trong phạm vi toàn cầu. Hầu hết các nước OECD, doanh nghiệp chiếm đến 67% tổng chi phí cho nghiên cứu và phát triển. Năm 2004, 320 công ty xuyên quốc gia đã đầu tư hơn 50% tổng số chi tiêu nghiên cứu và phát triển.

IV/ Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ của Việt Nam

- Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) đã trở thành một yếu tố quan trọng trong kinh tế đối ngoại và phát triển KT-XH của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nó là nguồn lực to lớn, cầu nối, kênh dẫn không thể thiếu được đối với hoạt động KH&CN trong nước.
- Những năm gần đây, KH&CN nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, một phần quan trọng là nhờ chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước. Chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè và các đối tác trên thế giới. Đến nay, nước ta đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với trên 70 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Không những quy mô hợp tác được mở rộng mà hình thức và nội dung hợp tác cũng đã trở nên đa dạng hơn, thiết thực hơn với nhu cầu phát triển KH&CN và KT-XH của đất nước.
- Năm 2002, hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN đã được đẩy mạnh cả về qui mô, hình thức và nội dung. Việt Nam đã ký kết một số hiệp định, văn bản

thỏa thuận hợp tác mới về KH&CN, mở rộng địa bàn hợp tác sang châu Phi, châu Mỹ latin, gồm:

- Hiệp định hợp tác KH&CN Việt Nam-Angola và Hiệp định hợp tác KH&CN Việt Nam-Vương quốc Bỉ;
 - Hiệp định liên Chính phủ về sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình với Liên bang Nga, Trung Quốc và Acentina;
 - Chương trình hợp tác trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử với Hàn Quốc, Ấn Độ và Trung Quốc;
 - Thỏa thuận hợp tác về ứng dụng công nghệ hạt nhân vì mục đích hòa bình với Ủy ban Năng lượng nguyên tử Pháp.
- Về hợp tác song phương:
- Trong năm 2003, Bộ KH&CN đã ký kết các thoả thuận về hợp tác KH&CN với Ấn Độ, Trung Quốc, Rumani giai đoạn đến năm 2005.
 - Bên cạnh đó Việt Nam còn hợp tác với Hoa Kỳ, Trung Quốc, CHLB Đức, Thụy Điển, Pháp,...
- Ngoài ra Bộ KH&CN đã tiếp nhận nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban KH&CN ASEAN từ năm 2003 đến năm 2005. Việt Nam đã chủ trì Hội nghị lần thứ 45 của Ủy ban KH&CN ASEAN vào tháng 4 năm 2003 tại Philippin, Hội nghị lần thứ 46 của Ủy ban vào tháng 9 năm 2003 tại TP Hồ Chí Minh với 11 cuộc họp tiểu ban và hơn 200 đại biểu trong nước và ngoài nước tham dự. Hội nghị đã xem xét 61 dự án và thông qua nhiều chủ trương hợp tác lâu dài và hiệu quả trong lĩnh vực KH&CN giữa các nước ASEAN. Đặc biệt đã xác định các trọng điểm mới cho việc xây dựng kế hoạch hành động 2005-2009 về KH&CN của ASEAN. Việt Nam cũng đã chủ trì Hội nghị lần thứ 3 Ủy ban hỗn hợp KH&CN ASEAN-Trung Quốc vào tháng 9 năm 2003 tại TP. Hồ Chí Minh.
- Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Lương thực ASEAN lần thứ 8 tại Hà Nội với gần 500 đại biểu từ 22 nước trên thế giới, 260 báo cáo khoa học và triển lãm KH&CN của 8 nước ASEAN.
- Về hợp tác trong các thể chế đa phương:

- Với ASEAN: năm 2004, Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban KH&CN các nước ASEAN và Chủ tịch Tiểu ban phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn lực ASEAN (SCIRD)
 - Với APEC: Việt Nam đã tham gia Hội nghị nhóm công tác KH&CN APEC lần thứ 26, lần thứ 27 và Hội nghị Bộ trưởng KH&CN APEC lần thứ 4 tại Niu Dilân. Hội nghị đã thảo luận các vấn đề liên quan đến chính sách và phương hướng phát triển KH&CN của các nước và nền kinh tế thuộc diễn đàn APEC.
 - Với UNESCO: Việt Nam đã xây dựng đề án đề nghị UNESCO hỗ trợ kinh phí triển khai chiến lược KH&CN đến năm 2010 và một số dự án khác.
- Ngoài ra, Việt Nam còn có một chương trình KH&CN khung lần thứ 7 của EU, giai đoạn 2007 - 2013 (FP7), là một chương trình KH&CN lớn nhất của châu Âu từ trước đến nay với tổng kinh phí đầu tư gần 54 tỷ euro, trong đó khoảng 32 tỷ euro dành cho các dự án nghiên cứu chung trên 10 lĩnh vực ưu tiên. Chương trình khuyến khích sự tham gia của cộng đồng KH&CN quốc tế.
 - Trong giai đoạn hiện nay, điều đáng lưu ý là Việt Nam và IAEA đã có hợp tác sâu rộng về điện hạt nhân. *(Ngày 24/8/2012 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Nguyễn Quân đã có buổi tiếp Đoàn Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) đang có chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam do ông Alexander Bychkov, Phó Tổng Giám đốc IAEA dẫn đầu.)*
 - Hiện nay, trong mối quan hệ là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO, Việt Nam đã ngày càng tăng sức đề kháng và vững vàng hơn trong quá trình phát triển và hợp tác với các nước khác về khoa học công nghệ. Điển hình như sự hợp tác với Ấn Độ về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của hai nước. Tóm lại Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế mà chủ đạo là về khoa học công nghệ vì đây là động lực mạnh mẽ để phát triển nền kinh tế, cải thiện đời sống cho nhân dân.

KẾT LUẬN

Để đảm bảo xây dựng đất nước theo đúng đường lối mà Đảng và nhà nước ta đã chọn là xây dựng đất nước tiến lên CNXH, xây dựng một nền kinh tế thị trường theo một định hướng XHCN, cần tăng cường hơn nữa hợp tác quốc tế về KHCN nhằm phát huy tối đa nguồn nội lực bên trong và điều kiện bên ngoài để đưa đất nước tiến nhanh trên con đường CNH-HĐN đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[Hợp tác khoa học công nghệ về thủy sản giữa Việt Nam và Nga: \(tác giả: Quang Đức\)](#)

[Mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ \(đăng trên tờ điện tử baomoi.com\)](#)

[Hợp tác sâu rộng về điện hạt nhân giữa Việt Nam và cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế\(Nguồn: Ngũ Hiệp, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Truyền thông KH&CN\)](#)

[Chương trình hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư Việt Nam–Trung Quốc \(báo điện tử rdpmo.com\)](#)

[Cơ hội cho hợp tác Việt-Mỹ về khoa học, công nghệ\(báo điện tử truyenthongkhoaoc.vn\)](#)